

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1298 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 26 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn một số danh mục dự án
thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 505/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;



Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn một số danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 63/TTr-SKHĐT ngày 20 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn một số danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn giữa các sở, ban, ngành tỉnh và các địa phương với tổng kế hoạch điều chỉnh: 371.185 triệu đồng, gồm:

- a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: tăng 5.000 triệu đồng.
- b) Sở Giao thông vận tải: tăng 16.300 triệu đồng, giảm 90.000 triệu đồng.
- c) Sở Y tế: tăng 250.000 triệu đồng, giảm 190.000 triệu đồng.
- d) Sở Giáo dục và Đào tạo: tăng 36.185 triệu đồng, giảm 7.000 triệu đồng.
- đ) Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: tăng 9.700 triệu đồng.
- e) Sở Văn hóa và Thể thao: tăng 2.000 triệu đồng.
- g) Sở Tài nguyên và Môi trường: tăng 7.000 triệu đồng, giảm 66.185 triệu đồng.
- h) Sở Thông tin và Truyền thông: tăng 9.000 triệu đồng.
- i) Sở Kế hoạch và Đầu tư: giảm 10.000 triệu đồng.
- k) Công an tỉnh: tăng 15.000 triệu đồng, giảm 8.000 triệu đồng.
- l) UBND huyện Gò Quao: tăng 11.000 triệu đồng.
- m) UBND huyện Vĩnh Thuận: tăng 5.000 triệu đồng.
- n) UBND huyện Giồng Riềng: tăng 5.000 triệu đồng.

2. Chi tiết nội dung điều chỉnh, bổ sung: theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao trách nhiệm:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo số vốn điều chỉnh, bổ sung tại Điều 1 của Quyết định này cho các cơ quan, đơn vị thực hiện và kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

2. Căn cứ vào số vốn được điều chỉnh, bổ sung tại Điều 1, Giám đốc (Thủ trưởng) sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và đẩy nhanh tiến độ các công trình, đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch được giao. Trường hợp phát hiện các thông tin, số liệu chưa chính xác, phải kịp thời gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị tại Điều 1; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *Thanh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (05b)
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nkguyen (01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nhân



Phụ lục

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh (sau điều chỉnh)				Chênh lệch so kế hoạch		Ghi chú				
			Thời gian khởi công hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tăng	Giảm	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất		Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14	15	16	17	18	20	21	23
	TỔNG SỐ (A+B+C+D)				8.096.366	4.859.672	708.841	75.082	280.000	353.759	0	708.841	75.082	280.000	353.759	0	371.185	-371.185	
A	VỐN BỔ TRÍ ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM				8.096.366	4.859.672	690.559	56.800	280.000	353.759	0	680.559	46.800	280.000	353.759	0	361.185	-371.185	
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				736.800	109.373	0	0	0	0	0	5.000	0	5.000	0	0	5.000	0	
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				736.800	109.373	0	0	0	0	0	5.000	0	5.000	0	0	5.000	0	
	Tiểu dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản huyện An Minh, An Biên - thuộc dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công.	Huyện An Biên, An Minh	2017-2022	1044/QĐ-UBND, 06/5/2016; 473/QĐ-UBND, 04/3/2019; 1471/QĐ-UBND, 26/6/2020 của UBND tỉnh;	736.800	109.373						5.000		5.000			5.000		đổi ứng
II	Sở Giao thông vận tải				999.171	999.171	159.000	0	150.000	9.000	0	85.300	0	85.300	0	0	16.300	-90.000	
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				79.543	79.543	9.000	0	0	9.000	0	25.300	0	25.300	0	0	16.300	0	
	Cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	huyện Hòn Đất	2019-2022	2515/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	79.543	79.543	9.000			9.000		25.300		25.300			16.300		bổ sung vốn
2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				919.628	919.628	150.000	0	150.000	0	0	60.000	0	60.000	0	0	0	-90.000	
	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc	Thành phố Phú Quốc	2019-2023	1752/QĐ-UBND, ngày 02/8/2019; 2803/QĐ-UBND, 10/12/2019 của UBND tỉnh;	919.628	919.628	150.000		150.000			60.000		60.000			-90.000		còn 187 tỷ đồng vốn kéo dài 2021 sang 2022
III	Sở Y tế				5.064.273	2.884.603	293.759	0	0	293.759	0	353.759	0	57.700	296.059	0	250.000	-190.000	
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				4.113.078	1.933.408	0	0	0	0	0	240.000	0	57.700	182.300	0	240.000	0	



1.1.	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang - quy mô 1020 giường	thành phố Rạch Giá	2016-2022	số 2236/QĐ-UBND, ngày 29/10/2014; số 2010/QĐ-UBND, ngày 25/9/2017; số 2382/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018; số 2247/QĐ-UBND, ngày 01/10/2019; 2664/QĐ-UBND, ngày 21/11/2019; số 1319/QĐ-UBND, ngày 08/6/2020; số 2958/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh;	4.113.078	1.933.408													trong đó thu hồi tạm ứng 61,4 tỷ đồng;	
2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				951.195	951.195	293.759	0	0	293.759	0	113.759	0	0	113.759	0	10.000	-190.000		
2.1	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường.	thành phố Rạch Giá	2019-2023	2433/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh;	761.195	761.195	293.759			293.759		103.759			103.759				-190.000	
2.2	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng	2022-2024	số 2279/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; số 1126/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh;	190.000	190.000						10.000			10.000				10.000	
IV	Sở Giáo dục và Đào tạo				318.114	266.028	51.000	0	0	51.000	0	80.185	0	32.185	48.000	0	36.185	-7.000		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Thanh toán quyết toán công trình				56.271	4.185	0	0	0	0	0	4.185	0	4.185	0	0	4.185	0		
	Dự án đầu tư xây dựng các phòng học Mầm non và Tiểu học tỉnh Kiên Giang	toàn tỉnh	2016-2020	số 2270/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; số 2114/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh;	56.271	4.185						4.185			4.185				4.185	trả nợ quyết toán
2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				20.000	20.000	9.000	0	0	9.000	0	8.000	0	0	8.000	0	0	0	-1.000	
	Trường Trung học phổ thông An Minh	thị trấn Thới 11, huyện An Minh	2021-2023	số 3161/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh;	20.000	20.000	9.000			9.000		8.000			8.000				-1.000	
3	Các dự án khởi công mới năm 2022				241.843	241.843	42.000	0	0	42.000	0	68.000	0	28.000	40.000	0	32.000	-6.000		
3.1	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn Vĩnh Thuận	thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận	2022-2024	số 239/QĐ-SKHĐT ngày 13/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	14.980	14.980	10.000			10.000		9.000			9.000				-1.000	
3.2	Trường Trung học phổ thông Dương Đông	phường Dương Đông, TP Phú Quốc	2021-2023	số 227/QĐ-BQLKKTQP ngày 27/9/2021 của BQL Khu kinh tế PQ;	29.900	29.900	10.000			10.000		9.000			9.000				-1.000	
3.3	Trường Trung học phổ thông An Biên	huyện An Biên	2021-2023	số 2099/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh;	19.000	19.000	12.000			12.000		9.000			9.000				-3.000	
3.4	Trường Trung học phổ thông Cây Dương	xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp	2021-2023	số 2097/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh;	18.000	18.000	10.000			10.000		9.000			9.000				-1.000	

3.5	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Thắng	xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao	2021-2023	số 2760/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND tỉnh;	24.000	24.000					4.000			4.000		4.000		khởi công mới
3.6	Đầu tư xây dựng công trình Trường Trung học phổ thông Phú Quốc	phường Dương Đông, TP Phú Quốc	2022-2024	số 217/QĐ-BQLKKTQP ngày 17/9/2021 của BQL Khu kinh tế PQ;	42.000	42.000					10.000		10.000			10.000		khởi công mới
3.7	Trường Trung học phổ thông An Thới	phường An Thới, T.P Phú Quốc	2021-2023	số 214/QĐ-BQLKKTQP ngày 16/9/2021 của BQL Khu kinh tế PQ;	29.995	29.995					5.000		5.000			5.000		khởi công mới
3.8	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên	phường Pháo Đài, thành phố Hà Tiên	2021-2023	số 205/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh;	26.000	26.000					5.000		5.000			5.000		khởi công mới
3.9	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trường Tộ	thành phố Rạch Giá	2022-2024	số 374/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh;	29.968	29.968					5.000		5.000			5.000		khởi công mới
3.10	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang	phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá	2021-2023	số 360/QĐ-SKHĐT ngày 07/12/2021 của Sở KHĐT;	8.000	8.000					3.000		3.000			3.000		khởi công mới
V	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội				39.598	39.598	0	0	0	0	9.700	0	0	9.700	0	9.700	0	
1	Các dự án khởi công mới năm 2022				39.598	39.598	0	0	0	0	9.700	0	0	9.700	0	9.700	0	
1.1	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Gò Quao	huyện Gò Quao	2021-2023	số 314/QĐ-SKHĐT, 29/10/2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	13.998	13.998					2.500		2.500			2.500		khởi công mới
1.2	Sửa chữa, cải tạo Nghĩa trang Liệt sĩ thành phố Hà Tiên	thành phố Hà Tiên	2021-2023	số 315/QĐ-SKHĐT, 29/10/2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	10.150	10.150					3.000		3.000			3.000		khởi công mới
1.3	Nâng cấp, cải tạo mộ Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất	2021-2023	số 316/QĐ-SKHĐT, 29/10/2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	10.030	10.030					3.000		3.000			3.000		khởi công mới
1.4	Sửa chữa, cải tạo Ký túc xá và mua sắm thiết bị Trường Trung cấp Việt - Hàn Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc		số 292/QĐ-BQLKKTQP, 20/12/2021 của BQL KKT Phú Quốc;	5.420	5.420					1.200		1.200			1.200		khởi công mới
VI	Sở Văn hóa và Thể thao				5.000	5.000	0	0	0	0	2.000	0	2.000	0	0	2.000	0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Các dự án khởi công mới năm 2022				5.000	5.000	0	0	0	0	2.000	0	2.000	0	0	2.000	0	
	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử và thắng cảnh Ba Hòn, huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất	2021-2023	Số 328/QĐ-SKHĐT ngày 04/11/2021 của Sở KH&ĐT;	5.000	5.000					2.000		2.000			2.000		khởi công mới
VII	Sở Tài nguyên và Môi trường				780.022	402.511	130.000	0	130.000	0	70.815	0	70.815	0	0	7.000	-66.185	
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				755.022	377.511	130.000	0	130.000	0	63.815	0	63.815	0	0	0	-66.185	
	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	toàn tỉnh	2015-2022	2328/QĐ-UBND, ngày 01/10/2013; 2212/QĐ-UBND, ngày 23/10/2017 của UBND tỉnh;	755.022	377.511	130.000		130.000		63.815		63.815				-66.185	khả năng không triển khai hết vốn được bố trí

2	Các dự án khởi công mới năm 2022				25.000	25.000	0	0	0	0	0	7.000	0	7.000	0	0	7.000	0	
	Xây dựng trụ sở các chi nhánh trực thuộc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Giồng Riềng, Tân Hiệp và thành phố Hà Tiên.	các huyện: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Giồng Riềng, Tân Hiệp và thành phố Hà Tiên.	2021-2023	số 3135/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh;	25.000	25.000						7.000		7.000			7.000		Khởi công mới
VIII	Công an tỉnh				97.500	97.500	26.800	26.800	0	0	0	33.800	26.800	7.000	0	0	15.000	-8.000	
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				23.800	23.800	4.000	4.000	0	0	0	2.000	2.000	0	0	0	0	-2.000	
1.1	Trụ sở làm việc Công an xã Lại Sơn, Vĩnh Phú (Giang Thành), Thổ Sơn, Bình Trị, An Minh Bắc, Mong Thọ A thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	các huyện: Kiên Hải, Giang Thành, Hòn Đai, Kiên Lương, U Minh Thượng, Châu Thành	2021-2022	số 404/QĐ-SKHĐT ngày 17/12/2020 của Sở KH&ĐT;	11.900	11.900	2.000	2.000				1.000	1.000				-1.000		Số 26/TT-CAT-HC, 08/02/2022 của Công an tỉnh;
1.2	Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Lộc, Nam Thái A, Đông Yên, Minh Thuận, Thanh Yên, Vĩnh Phú (Giồng Riềng), Mỹ Lâm thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	các huyện: Châu Thành, An Biên, U Minh Thượng, Giồng Riềng, Hòn Đất.	2021-2022	số 405/QĐ-SKHĐT ngày 17/12/2020 của Sở KH&ĐT;	11.900	11.900	2.000	2.000				1.000	1.000				-1.000		Số 26/TT-CAT-HC, 08/02/2022 của Công an tỉnh;
2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				48.200	48.200	22.800	22.800	0	0	0	23.800	16.800	7.000	0	0	7.000	-6.000	
2.1	Trụ sở làm việc công an các xã: Thanh Phước, Bàn Tân Định, Văn Khánh Tây, Thuận Hòa, Vĩnh Bình Bắc, Vĩnh Thắng, Giục Tượng thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Giồng Riềng, An Minh, Vĩnh Thuận, Gò Quao, Châu Thành.	2021-2023	236/QĐ-SKHĐT ngày 10/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	11.900	11.900	7.400	7.400				5.400	5.400				-2.000		Số 26/TT-CAT-HC, 08/02/2022 của Công an tỉnh;
2.2	Trụ sở làm việc công an các xã: Minh Hòa, Đông Hòa, Mong Thọ B, Thanh Yên A, Vĩnh Phong, Sơn Kiên, Tân Thành thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Châu Thành, U Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Hòn Đất, Tân Hiệp.	2021-2023	237/QĐ-SKHĐT ngày 10/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	11.900	11.900	7.400	7.400				5.400	5.400				-2.000		Số 26/TT-CAT-HC, 08/02/2022 của Công an tỉnh;
2.3	Trụ sở làm việc công an các xã: Sơn Bình, Thanh Đông, Tân Hiệp A, Thủy Liễu, Định An, Hòa Lợi, Ngọc Hòa thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Hòn Đất, Tân Hiệp, Gò Quao, Giồng Riềng.	2021-2023	255/QĐ-SKHĐT ngày 14/9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	11.900	11.900	8.000	8.000				6.000	6.000				-2.000		Số 26/TT-CAT-HC, 08/02/2022 của Công an tỉnh;
2.4	Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu hộ cứu nạn khu vực U Minh Thượng (giai đoạn II) thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	huyện U Minh Thượng	2021-2022	số 227/QĐ-SKHĐT, ngày 26/11/2021 của Sở KH&ĐT;	12.500	12.500						7.000		7.000			7.000		thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Các dự án khởi công mới năm 2022				25.500	25.500	0	0	0	0	0	8.000	8.000	0	0	0	8.000	0	

3.1	Trụ sở làm việc Công an xã Hòa Điền, Ngọc Chúc, Thanh Bình, Nam Thái, Đông Hưng A, Đông Hưng B và Nam Thái Sơn thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	các huyện: Kiên Lương, Giồng Riềng, An Biên, An Minh, Hòn Đất	2021-2023	số 322/QĐ-SKHĐT ngày 01/11/2021 của Sở KH&ĐT;	12.750	12.750						4.000	4.000			4.000	Số 26/TTr-CAT-HC, 08/02/2022 của Công an tỉnh;	
3.2	Trụ sở làm việc Công an xã Bình Giang, Vĩnh Hòa Hưng Nam, Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Tân Thuận, Vĩnh Thuận, Tân Hội, Thạnh Đông B thuộc Công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Hòn Đất, Gò Quao, Vĩnh Thuận, tân Hiệp	2021-2023	số 321/QĐ-SKHĐT ngày 01/11/2021 của Sở KH&ĐT;	12.750	12.750						4.000	4.000			4.000	Số 26/TTr-CAT-HC, 08/02/2022 của Công an tỉnh;	
IX	Công trình trọng điểm, có tính chất liên kết vùng, thúc đẩy phát triển Kinh tế - Xã hội; công trình 2016-2020 chuyển tiếp sang 2021-2025 tỉnh hỗ trợ huyện đầu tư.				1.641	1.641	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000	0	0	1.000	0
1	Chuẩn bị đầu tư				1.641	1.641	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000	0	0	1.000	0
	Tuyến đường ven sông Ba Voi, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao	2023-2025	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi số 44/QĐ-BQL ngày 10/01/2022 của BQL các dự án ĐTXD huyện Gò Quao;	1.641	1.641						1.000		1.000			1.000	Bổ trí chuẩn bị đầu tư; Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 08/3/2022 của UBND huyện GQ.
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
X	Sở Thông tin và Truyền thông				29.747	29.747	0	0	0	0	0	9.000	0	9.000	0	0	9.000	0
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Các dự án khởi công mới năm 2022				29.747	29.747	0	0	0	0	0	9.000	0	9.000	0	0	9.000	0
	Dự án đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.	145 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh;	2021-2023	số 280/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh;	29.747	29.747						9.000		9.000			9.000	khởi công mới
XI	Sở Kế hoạch và Đầu tư				0	0	30.000	30.000	0	0	0	20.000	20.000	0	0	0	0	-10.000
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				0	0	30.000	30.000	0	0	0	20.000	20.000	0	0	0	0	-10.000
1.1	Chi phí lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó:	toàn tỉnh										0						
	- Sở Kế hoạch và Đầu tư quản lý						30.000	30.000				20.000	20.000				-10.000	giảm vốn theo khả năng thực hiện
XII	Chương trình nước sạch nông thôn và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025				24.500	24.500	0	0	0	0	0	10.000	0	10.000	0	0	10.000	0
1	Các dự án khởi công mới năm 2022				24.500	24.500	0	0	0	0	0	10.000	0	10.000	0	0	10.000	0
1.1	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.	huyện Vĩnh Thuận	2021-2023	số 203/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh;	10.500	10.500						5.000		5.000			5.000	
1.2	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.	huyện Giồng Riềng	2021-2023	số 506/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND tỉnh;	14.000	14.000						5.000		5.000			5.000	
B	VỐN PHÂN BỐ THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ						18.282	18.282	0	0	0	28.282	28.282	0	0	0	10.000	0
1	Huyện Gò Quao	huyện Gò Quao					18.282	18.282				28.282	28.282				10.000	Bổ sung thanh toán KLHT

